

Bản án số: 24/2024/HC-PT

Ngày 24/01/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
 bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HCST ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 679/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Võ Thị Thùy H, sinh năm: 1951; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum; địa chỉ: số A L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Hoàng N - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Đ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Quang H1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (Theo Giấy ủy quyền số 95/UQ-CTUBND ngày 07/8/2023), có mặt.

Địa chỉ công tác: khối C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đ: bà Lê Thị Thu T – chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ, tỉnh Kon Tum, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hồng L – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã D, có mặt.

Địa chỉ công tác: thôn A, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện bà Võ Thị Thùy H trình bày:

Bà Võ Thị Thùy H cùng gia đình đi kinh tế mới năm 1976 tại thôn D, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đến năm 1992, bà Võ Thị Thùy H khai hoang mảnh đất trên mặt tiền Quốc lộ A có chiều ngang dài 30m, chiều dài 50m và có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã D vào ngày 23/9/1992. Đến năm 1996 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ), nhưng do đo đạc không chính xác nên phần đất trên sổ chỉ ghi 24m chiều ngang, phần chiều ngang 6m còn lại nằm ngoài sổ bà H vẫn ở và sử dụng toàn bộ diện tích đất khai hoang của mình. Đến năm 2004, bà H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trong bìa đỏ, phần 6m còn lại bà H cho vợ chồng ông Châu Thu s vườn nhà mượn đất trồng hoa màu từ năm 2004 đến năm 2020. Năm 2021 bà H về lại thửa đất này để canh tác và dựng một nhà tôn với diện tích 21m² để làm nhà kho. Tháng 8/2021, bà H nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất 6m còn lại, thời gian đầu UBND xã D và UBND huyện Đ đã tiếp nhận hồ sơ và đã có giấy hẹn trả kết quả. Tuy nhiên, đến ngày 26/4/2022 UBND xã D ra thông báo số 44/TB-UBND có nội dung bà H không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất. Bà H không đồng ý với Thông báo trên, nên tiếp tục làm đơn đề nghị các cơ quan chức năng xem xét cấp Giấy CNQSD đất cho bà. Ngày 07/7/2022 UBND huyện Đ trả lời bằng Công văn số 861/UBND-KTTH với nội dung là thửa đất của bà không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất, bà H thấy UBND huyện căn cứ những lý do thể hiện qua thông báo của UBND xã D, để không cấp Giấy CNQSD đất cho bà là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của bà. Vì bà sử dụng mảnh đất khai hoang ổn định từ trước năm 1992 đến năm 2004 bà chỉ bán phần đất đã được cấp bìa, phần 6m còn lại bà cho vợ chồng ông Châu T1 mượn để canh tác. Như vậy, quyền quản lý và xác lập phần 6m còn lại vẫn là của bà. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giải quyết:

Tuyên hành vi hành chính không thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số: 85, thửa số 191; diện tích: **312,9 m²** đất tại thôn D, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum của UBND huyện Đ là trái pháp luật và buộc UBND huyện Đ chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật trên.

Tuyên hủy Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/7/2022 của UBND huyện Đ về việc trả lời đơn đề nghị của Võ Thị Thùy H.

Theo Công văn số 913/UBND ngày 30/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Ngày 30/5/2022, Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện Đ nhận được Đơn kiến nghị của bà Võ Thị Thùy H, với nội dung: đề nghị cơ quan chức năng xem xét cấp quyền sử dụng đất tại thôn D, xã D. Sau khi xem xét nội dung đơn, UBND huyện Đ, đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân xã D tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung liên quan. Qua xác minh, lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 85 (*Bản đồ đo đạc chính quy xã D năm 2012*) thuộc thôn D, xã D với diện tích **312,9 m²** đất; các thành phần tham gia kiểm tra khẳng định thửa đất này, không phải do bà Võ Thị Thùy H canh tác và sử dụng ổn định từ trước đến nay, mà từ năm 1999 bà H đã đi khỏi địa phương và chuyển hộ khẩu đến thị trấn P, huyện N và cư trú tại thị trấn P, huyện N cho đến nay. Và cũng từ năm 1999, bà H đã không canh tác và sử dụng đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 85 tại thôn D, xã D, phần thửa đất này đã để trống và không ai canh tác sử dụng. Trước đây, UBND xã D dự kiến sử dụng vị trí đất này để làm đường đi liên thôn của xã. Đến nay, phần đất này vẫn thuộc UBND xã D đang quản lý. Do đó, căn cứ vào các quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 20; 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thì thửa đất số 191, tờ bản đồ số 85 tại thôn D, xã D, huyện Đ, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất cho bà Võ Thị Thùy H theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, giải quyết vụ án bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thùy H.

Tại bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa hôm nay, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ trình bày:

Trước đây, bà Võ Thị Thùy H có sinh sống tại thôn D, xã D. Năm 1992, bà H làm đơn xin cấp đất làm nhà ở với diện tích chiều ngang 30m x chiều dài 50m tại thôn D, xã D. Tuy nhiên, UBND xã D đã thống nhất cấp cho bà H 20m chiều ngang x chiều dài 50m. Sau đó, bà H đã được cấp Giấy CNQSD đất với diện tích chiều ngang 24m x chiều dài 50m. Một thời gian sau, bà H chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất đã được UBND huyện cấp cho người khác và đi khỏi địa phương. Đến năm 2021, bà H quay về dựng một ngôi nhà mái tôn, khung tôn xung quanh tại thửa đất bên cạnh thửa đất bà đã làm nhà ở và đã bán trước đây (thửa đất 191, tờ bản đồ số 85).

Ngay sau khi bà H dựng ngôi nhà tôn, trên thửa đất 191, tờ bản đồ số 85, UBND xã D đã mời bà H đến UBND xã để làm việc, nhằm xác minh quyền sử dụng đất của bà đối với thửa đất này. Tuy nhiên, tại buổi làm việc bà H không cung cấp được các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của bà đối với thửa đất này, nhưng bà H có khai báo thửa đất này do bà khai hoang trước đây nên

UBND xã đã hướng dẫn bà H thực hiện các thủ tục để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu bà có đủ điều kiện theo quy định.

Sau đó bà H đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy CNQSD đất (lần đầu) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa của UBND huyện. UBND xã D đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư, công khai theo quy định và làm tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 17/01/2021 về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã D, trong quá trình lấy ý kiến thì các đối tượng lấy ý kiến không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ngay sau đó, UBND xã nhận được một số thông tin dư luận cho rằng thửa đất trên không phải của bà H khai hoang và sử dụng liên tục từ trước đến nay. Sau khi nhận được thông tin phản ánh, ngày 22/4/2022 UBND xã D, tổ chức ngay cuộc họp dân lấy ý kiến về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất 191, tờ bản đồ số 85 nói trên, những người dân sống lâu năm và biết nguồn gốc thửa đất nêu trên đều xác định thửa đất này bà H không khai hoang, không sử dụng từ trước đến nay và cũng không ai sử dụng lâu nay. Cùng ngày 22/4/2022 UBND xã D cũng đã làm việc với bà Huỳnh Thị N1 và ông Châu T1 (*những người đã ký tên trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 21/12/2021 trong hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị Thùy H*) thì 02 người này đều khẳng định lúc ký vào phiếu lấy ý kiến khu dân cư nói trên, họ đã hiểu nhầm thửa đất 191, tờ bản đồ số 85 là thửa đất trước đây bà H đã được cấp Giấy CNQSD đất và làm nhà ở mà không hề biết rằng thửa đất này là thửa đất mà bà H mới dựng một chòi mái tôn vào năm 2021.

Qua việc lấy ý kiến đối với những người biết rõ về nguồn gốc sử dụng đất và sinh sống lâu đời tại khu vực đó xác định: thửa đất mà bà H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được bà H khai hoang và bà không sử dụng thửa đất này từ trước đến nay. Căn cứ quy định của pháp luật thì bà Võ Thị Thùy H không đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật, nên UBND xã D đã gửi Thông báo số 44/TB-UBND ngày 26/4/2022 về kết quả thẩm tra, xác minh đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của bà Võ Thị Thùy H để bà được biết. Đồng thời, gửi Công văn số 127/UBND ngày 26/4/2022 về việc hủy tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 17/01/2021 của UBND xã D về việc đề nghị cấp Giấy CNQSD đất trên địa bàn xã D cho UBND huyện Đ; Phòng T2 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện để đề nghị dừng việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà Võ Thị Thùy H.

Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh UBND xã D đã đề nghị UBND huyện Đ không cấp mới thửa đất trên cho bà Võ Thị Thùy H là đúng quy định pháp luật.

Tại Biên bản tổ chức kiểm tra, xác minh ngày 10/6/2022 của UBND xã D và tại phiên tòa người làm chứng bà Mai Thị Ngọc L1 trình bày:

Trước đây bà Võ Thị Thùy H đã sinh sống và ở đối diện nhà bà vào năm 1985. Theo bà L1 được biết trước kia bà H đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất tại khu vực này, nhưng bà L1 không biết là thửa đất được cấp bao nhiêu mét mặt tiền. Sau đó, bà H đã bán hết phần diện tích được cấp này cho người khác sử dụng. Còn đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 85 bà H đang đề nghị được cấp Giấy CNQSD đất vẫn để trống không ai sử dụng, trước đây tại

phần đất này có một cây mắt mèo và bụi le to, thửa đất này không ai sử dụng và bà H cũng không canh tác và sử dụng trên thửa đất này từ những năm đó cho đến nay.

Tại các Biên bản làm việc của UBND xã D và tại phiên tòa người làm chứng ông Đinh Văn N2 trình bày:

Ông N2 làm cán bộ địa chính xã D từ năm 2001-2016. Trước đây, bà H có sử dụng một thửa đất liền kề thửa đất số 191 và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất, đối với phần đất bà sử dụng ổn định. Sau đó, bà H chuyển nhượng lại toàn bộ phần diện tích được cấp bìa và đi khỏi địa phương đã được hơn 20 năm. Còn thửa đất số 191 trước đây UBND xã D dự kiến mở đường đi vào lô 2, giao với đường chống cháy lô cao su từ thôn H về. Do đó, phần đất này vẫn do UBND xã D quản lý và không cấp Giấy CNQSD đất cho ai cả. Phần đất này bà H không trực tiếp sản xuất, sử dụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HCST ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ: Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Khoản 2 Điều 116; Điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; Điều 356; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 99, 100, 101 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy H đề ngày 30/5/2023 về việc yêu cầu :

Tuyên bố hành vi không thực hiện các thủ tục cấp Giấy CNQSD đất của UBND huyện Đ là hành vi hành chính trái với quy định của pháp luật.

Đề nghị hủy Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/7/2022 của UBND huyện Đ. Buộc UBND huyện Đ phải thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 25/9/2023 người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác

kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 30/5/2023, bà Võ Thị Thùy H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu tuyên bố hành vi không thực hiện các thủ tục cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số: 85, thửa số 191; diện tích: **312,9 m²** đất tại thôn D, xã D của UBND huyện Đ là hành vi hành chính trái với quy định của pháp luật; đề nghị hủy Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/7/2022 của UBND huyện Đ; buộc UBND huyện Đ phải thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà H. Các yêu cầu của bà H còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ quy định tại khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính; Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là có căn cứ pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Võ Thị Thùy H xác định phần đất diện tích **312,9 m²**, số thửa 191, tờ bản đồ số 85 tại thôn D, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum có nguồn gốc là một phần của mảnh đất có diện tích 1500 m² do bà khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1992. Đến năm 2004 bà chỉ bán phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại **312,9 m²** bà cho vợ chồng ông Châu T1 mượn để canh tác. Năm 2021 bà H về lại thửa đất này để canh tác và dựng một nhà tôn với diện tích 21m² để làm nhà kho. Như vậy, đến nay phần đất này vẫn là của bà H, bà đã làm đơn xin cấp GCNQSD đất nhưng UBND huyện Đ có văn bản trả lời phần đất này thuộc UBND xã D đang quản lý nên không thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất là hành vi hành chính trái với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu thể hiện tại hồ sơ vụ án thì thấy: tại Đơn xin đất làm nhà đề ngày 17/9/1992, bà Võ Thị Thùy H làm đơn xin đất làm nhà với diện tích 1500 m², chiều rộng 30m, chiều dài 50m. Ngày 22/9/1992, ông Mai Trí D giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã D ký xác nhận với nội dung *“Thống nhất cấp đất thổ cư cho bà Võ Thị H Thôn 4 theo đơn và sơ đồ chiều rộng dọc theo quốc lộ 14 là 20m (hai chục m) dài 50 m (năm mươi m) Văn phòng ra quyết định cấp”*. Đến ngày 21/8/1996, bà H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất số G 170761 đất với chiều rộng 24m, chiều dài 50m (Tổng diện tích đất được cấp là 1074m²). Mặc dù bà H xin đất với chiều rộng 30m nhưng UBND xã D chỉ xác nhận cấp cho bà 20m, bà H cũng không có ý kiến hay khiếu kiện gì về việc cấp Giấy CNQSD đất. Sau khi được cấp Giấy CNQSD đất, năm 1999 bà H chuyển hộ khẩu đến thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum cư trú, sinh sống cho đến nay. Đối với diện tích đất bà H được cấp Giấy CNQSD đất bà H đã chuyển nhượng toàn bộ cho các hộ dân vào năm 2003.

Đến năm 2021, bà H về dựng ngôi nhà tạm khung tôn trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 85, được UBND xã D gọi lên làm việc để xác minh quyền sử dụng đất này, qua làm việc bà H không cung cấp được giấy tờ nào để chứng minh đây là đất của bà, nên UBND xã D đã hướng dẫn bà thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy CNQSD đất nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND xã D đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư, công khai theo quy định và làm tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 17/01/2021 về việc đề nghị cấp Giấy CNQSD đất cho bà Võ Thị Thùy H. Bà H đã nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa của UBND huyện Đ. Tuy nhiên, ngay sau đó UBND xã D đã có thông tin thửa đất trên không phải do bà H khai hoang và sử dụng. UBND xã D đã tiến hành xác minh lại thửa đất trên, trực tiếp làm việc với ông bà Châu T1 là người bà Võ Thị Thùy H trình bày bà cho mượn đất trồng hoa màu và bà Huỳnh Thị N1. Các ông, bà trên khẳng định lúc ký vào phiếu lấy ý kiến khu dân cư nói trên, họ đã hiểu nhầm thửa đất 191 là thửa đất trước đây bà H đã chuyển nhượng. Dựa vào quá trình xác minh và lấy ý kiến khu dân cư, UBND xã D đã có công văn số 127/UBND ngày 26/4/2022 gửi UBND huyện Đ về việc hủy tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 17/01/2021 đề nghị dừng cấp Giấy CNQSD đất cho bà Võ Thị Thùy H và được Ủy ban nhân dân huyện Đ chấp nhận.

Sau khi nhận được đơn đề nghị xem xét về việc xin cấp Giấy CNQSD đất của bà H đề ngày 30/5/2022 gửi đến UBND huyện, thì UBND huyện Đ đã chỉ đạo cho phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND xã D xác minh về nguồn gốc thửa đất của bà Võ Thị Thùy H yêu cầu cấp giấy CNQSD đất, Biên bản xác minh ngày 10/6/2022 (Bút lục 207).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã tiến hành xác minh lại trường hợp người làm chứng gia đình ông Châu T1 và bà Lê Thị H2 về việc mượn đất bà Võ Thị Thùy H canh tác. Tại giấy xác nhận (Bút lục 94) thể hiện bà H cho gia đình ông Châu T1 mượn đất trồng cây chuối và mì từ năm 2004 đến năm 2020. Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2023 (Bút lục 102) ông T1, bà H trình bày nguồn gốc thửa đất này là do cha mẹ bà H cho, ông Châu T1 và bà Lê Thị H2 mượn đất từ năm 1995 đến năm 2022 để trồng chuối và cây mì. Việc cho mượn chỉ nói miệng không có giấy tờ; ông Châu T1 và bà Lê Thị H2 trình bày lại không đồng nhất, mâu thuẫn nên không có căn cứ để chứng minh.

Như vậy, căn cứ các tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự, của người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm; bản án sơ thẩm xác định về nguồn gốc đất, thửa đất bà H2 xin được cấp Giấy CNQSD đất từ trước đến nay để trồng và không ai canh tác; bà H2 không sử dụng trực tiếp và canh tác, sản xuất, không đăng ký kê khai vào sổ mục kê của UBND xã, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước trên thửa đất này là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định “*Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào*

mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.....”;

Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định Căn cứ xác định về sử dụng đất ổn định...

“e) Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở; Giấy minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh, giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký”

....

i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ...”

Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải xác nhận của UBND xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư nơi có đất”*. Căn cứ vào các quy định này, UBND xã D đã lấy ý kiến của những người dân sống lâu năm biết rõ về thửa đất mà bà H2 xin cấp bìa thì đều xác nhận bà H2 không trực tiếp sử dụng thửa đất trên, bà đã đi khỏi địa phương hơn 20 năm.

Do đó, bà Võ Thị Thùy H không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 nên Ủy ban nhân dân huyện Đ không thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà Võ Thị Thùy H là có căn cứ.

[2.2] Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum về việc không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Thùy H là đúng quy định pháp luật, bởi lẽ khi bà H nộp hồ sơ xin cấp Giấy CNQSD đất tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa của huyện Đ, thì ngay sau đó UBND xã D đã có Công văn số 127/UBND ngày 26/4/2022 gửi UBND huyện Đ về việc hủy tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 17/01/2021 đề nghị dừng cấp Giấy CNQSD đất cho bà H. Ngày 30/5/2022 bà H làm đơn đề nghị xem xét, gửi đến UBND xã D và UBND huyện Đ, UBND huyện Đ đã chỉ đạo Phòng T2 huyện xuống xác minh. UBND huyện Đ đã ban hành Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/7/2022 để trả lời, nêu rõ căn cứ về nguồn gốc đất, lý do không được cấp Giấy chứng nhận để bà Võ Thị Thùy H được biết. Công văn trả lời trên của UBND huyện Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy H là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo của bà Võ Thị Thùy H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng bà H sinh năm 1951, là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị Thùy H; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HCST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà Võ Thị Thùy H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái